

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày: 17/7/2024

“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Vinh

2. Bà Phan Thị Thiện

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 19/3/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Quang V, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn 10, xã E, huyện C, tỉnh Đ

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993

HKTT: Thôn 3, xã E1, huyện C, tỉnh Đ

Tạm trú tại: Số nhà 114/8 đường H, thành phố B, tỉnh Đ (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Lê Trọng H, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1996

Cùng trú tại: Thôn 2, xã E1, huyện C, tỉnh Đ (đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 05/01/2023 ông Trần Quang V có cho vợ chồng ông Lê Trọng H, bà Trần Thị Bích N vay số tiền là 742.000.000 đồng, thời gian vay là 53 ngày kể từ ngày 05/01/2023 đến ngày 28/02/2023. Khi vay hai bên có viết giấy vay nợ có ông H và bà N ký xác nhận bên vay, thoả thuận lãi suất là 10%/năm, nhưng chỉ thoả thuận miệng, không viết vào giấy vay.

Đến thời hạn trả nợ ông V đã đòi tiền nhiều lần nhưng vợ chồng ông H và bà N không trả nợ cho ông Vinh như đã thoả thuận, ông V đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông H, bà N trả nợ nhưng vợ chồng ông H, bà N đều trốn tránh, chây ì không trả nợ. Do đó ông V làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N trả cho ông V số tiền gốc là 742.000.000 đồng và số tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/3/2024 đến ngày mở phiên toà.

- Đối với bị đơn ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông H, bà N đều vắng mặt không có lý do. Do đó Toà án không thu thập được lời khai của ông H, bà N.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang V.

Buộc ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N phải trả nợ cho ông Trần Quang V số tiền gốc 742.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ tháng ngày 01/3/2024 đến xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ông Trần Quang V khởi kiện yêu cầu ông Lê Trọng H, bà Trần Thị Bích N về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N có nơi cư trú tại thôn 2, xã E1, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N đều không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, Toà án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt đồng bị đơn.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 05/01/2023 ông Trần Quang V có cho vợ chồng ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N vay số tiền 742.000.000 đồng. Việc vay tiền hai bên có viết “giấy vay tiền” có ông H, bà N ký xác nhận bên vay. Thời hạn vay 53 ngày kể từ

ngày vay. Trong giấy vay mượn không thỏa thuận về lãi suất nhưng ông V cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất tính là 10%/năm.

Do bị đơn ông H, bà N không có mặt tại các buổi làm việc nên Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông Lê Trọng H, bà Trần Thị Bích N trong giấy vay tiền để có căn cứ giải quyết vụ án. Tại kết luận giám định số: 621/KL-KTHS ngày 27/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận có nội dung: *Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Trọng H và chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Bích N dưới mục bên vay trong giấy vay nợ ngày 05/01/2023, so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Trọng H và chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Bích N trên mẫu cần so sánh là do cùng một người ký và viết ra.* Như vậy có căn cứ khẳng định vào ngày 05/01/2023 vợ chồng ông H, bà N có giao dịch vay của ông V số tiền nêu trên là đúng. Đến hạn trả nợ phía ông Hoàn, bà Ngọc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy ông Trần Quang V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N trả số tiền gốc là 742.000.000 đồng và lãi suất là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về lãi suất:

Theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn nêu trên. Thời gian tính lãi từ ngày 01/3/2023 đến ngày 17/7/2024 là 502 ngày

$(742.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 502 \text{ ngày}) : 30 = 103.467.000 \text{ đồng}$  (đã làm tròn số)

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.860.000 đồng. Ông Trần Quang V được nhận lại số tiền 4.860.000 đồng sau khi thu được số tiền trên của ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N.

[4] Về án phí: Ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang V.

Buộc ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Quang V số tiền 845.467.000 đồng, trong đó nợ gốc là 742.000.000 đồng và lãi suất 103.467.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 BLDS 2015.*

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N phải chịu số tiền 4.860.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Ông Trần Quang V được nhận lại số tiền 4.860.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng sau khi thu được số tiền trên của ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N.

Về án phí:

Ông Lê Trọng H và bà Trần Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.364.000 đồng. Chia theo phần mỗi người phải chịu 18.682.000 đồng (làm tròn)

Trả lại cho ông Trần Quang V số tiền 17.551.507 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2023/0004344 ngày 12/11/2023.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ LỢI**